TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 19 – 4 – 2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Ông Phan Châu Ngọc.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình*:** Không tham gia.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 229/2020/TLST - DS ngày 12/11/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Thanh Ph, sinh năm 1981 – vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Võ Thị U, sinh năm 1961 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020) – có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1983 – vắng mặt

2. Chị Huỳnh Kiều L, sinh năm 1988 – vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10/11/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đỗ Thanh Ph có chị Võ Thị U là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 18/12/2016, anh Ph có cho vợ chồng anh Ng, chị L mượn số tiền là 20.000.000 đồng. Khi mượn hai bên có làm biên nhận nợ với nhau cùng ngày, không có lãi suất, thời hạn mượn đến ngày 18/3/2017.

Từ khi mượn tiền đến nay vợ chồng anh Ng, chị L không có trả số tiền vốn mượn là 20.000.000 đồng cho anh Ph.

Nay anh Ph có chị U là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu vợ chồng anh Ng, chị L số tiền vốn 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra anh Ph không có yêu cầu gì khác.

- Phía bị đơn là vợ chồng anh Ng, chị L: Căn cứ vào các Điều 196, 199, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ng, chị L, nhưng anh Ng, chị L vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Ng, chị L.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Tòa án đã công khai các tài liệu, chứng cứ tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 23/12/2020.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Theo quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Mặc dù, biên nhận vay ngày 18/12/2016 do anh Ph cung cấp cho Tòa án không có công chứng hoặc chứng thực hợp pháp sự kiện mượn tiền giữa anh Ph, nhưng phía anh Ng, chị L đã biết được tình tiết, sự kiện tranh chấp với anh Ph mà không có ý kiến gì; đồng thời bị đơn anh Ng, chị L cũng đã nhận được bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên anh Ph cung cấp, nhưng anh Ng, chị L cũng không có ý kiến và cũng không phản đối. Vì vậy, biên nhận mượn tiền ngày 18/12/2016 do anh Ph cung cấp cho Tòa án và sự kiện vay tài sản giữa anh Ph với anh Ng, chị L là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh Ng, chị L nhưng anh Ng, chị L không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh Ng, chị L cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện anh Ph yêu cầu vợ chồng anh Ng, chị L có trách nhiệm trả lại số tiền vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Ng, chị L, nhưng anh Ng, chị L đã vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyên, chị Lol là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, biên nhận mượn tiền ngày 18/12/2016 do anh Ph cung cấp cho Tòa án là thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét thấy biên nhận vay ngày 18/12/2016 ghi nhận việc mượn tiền chỉ có anh Ng ký tên. Đây là nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Ng với chị L. Phía anh Ng, chị L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc mượn tiền trên là vì nghĩa vụ riêng của anh Ng. Đồng thời theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng thì xác định chị L phải có trách nhiệm liên đới với anh Ng trả nợ cho anh Ph. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ph về việc yêu cầu vợ chồng anh Ng, chị L có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Buộc vợ chồng anh Ng, chị L có trách nhiệm liên đới trả cho anh Ph 20.000.000 đồng. Anh Ph không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Ng, chị L phải chịu liên đới tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Anh Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Thanh Ph.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Ng và chị Huỳnh Kiều L có trách nhiệm trả lại cho anh Đỗ Thanh Ph số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Anh Ph không yêu cầu anh Nguyên, chị L trả tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Ng và chị Huỳnh Kiều L có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho anh Đỗ Thanh Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 687.000 đồng theo biên lai thu số 0010664 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Đỗ Thanh Ph có chị Võ Thị U là người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Văn Ng và chị Huỳnh Kiều L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh